

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM PHƯỚC

**CHỈ TIÊU
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NĂM 2025**

Tháng 01 năm 2025

Số: 02 /QĐ-UBND

Tam Phước, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng - an ninh năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM PHƯỚC

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Quyết định số 16739/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân xã Tam Phước Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025;

Theo đề nghị của Văn phòng Thống kê - Nội vụ xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Cán bộ, Công chức, người hoạt động không chuyên trách xã và trưởng các ấp chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2025 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã giao nhiệm vụ cho Cán bộ, Công chức, người hoạt động không chuyên trách xã và trưởng các ấp tổ chức triển khai, thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2025.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê - Nội vụ xã, Cán bộ, Công chức người hoạt động không chuyên trách xã và trưởng các ấp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- TT. ĐU, TT. HĐND xã (theo dõi);
- CB, CC, CB KCT xã;
- MTTQ và các đoàn thể xã;
- 06 Trưởng ấp;
- Lưu: VT, NV (25^b).

Q. CHỦ TỊCH

Phan Việt Tiến

PHỤ LỤC 1

CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)

TT	Tên ấp	Tỷ lệ tiêm phòng (%/tổng đàn)			Chuỗi giá trị	
		Bệnh viêm da nổi cục	Bệnh dại	Lở mồm long móng	Dừa (30ha)	Bưởi (5 ha)
1	Phước Tân	70	80	70	5	1
2	Phước Hậu	70	80	70	5	1
3	Thạnh Hựu	70	80	70	5	
5	Phước Hựu	70	80	70	5	1
5	Phước Thành	70	80	70	5	1
6	Phước Thạnh	70	80	70	5	1

PHỤ LỤC 2

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

MÔ HÌNH VƯỜN XANH, SẠCH, ĐẸP ĐẠT TIÊU CHÍ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)

ST T	ẤP	Diện tích sản xuất nông nghiệp	Chỉ tiêu đăng ký và thực hiện trong năm 2025				Ghi chú
			Diện tích giữ vững đạt tiêu chí	Diện tích thực hiện đạt năm 2025	Lũy kế thực hiện đạt đến cuối năm 2025 (ha)	Tỷ lệ đạt so diện tích nông nghiệp (%)	
1	Phước Tân	193.55	87	3.5	90.5	46.76	
2	Phước Hậu	227.55	124	3.5	127.5	56.03	
3	Thạnh Hựu	112.3	81	3	84	74.80	
5	Phước Hựu	188.5	81.7	3.5	85.2	45.20	
5	Phước Thành	131.9	103.2	3	106.2	80.52	
6	Phước Thạnh	152.2	71.2	3.5	74.7	49.08	
	Tổng cộng	986	548.1	20	568.1	57.62	

PHỤ LỤC 3

CHỈ TIÊU GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)

STT	Tên ấp	Chỉ tiêu (m)	Đạt chuẩn (m)	Chưa đạt chuẩn (m)
1	Phước Tân	100	100	-
2	Phước Hậu	100	100	-
3	Thanh Hựu	100	100	-
5	Phước Hựu	150	150	-
5	Phước Thành	280	280	-
6	Phước Thạnh	50	50	-
	Tổng cộng	780	780	-

PHỤ LỤC 4

CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG NĂM 2025

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)

STT	Tên ấp	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Giải quyết việc làm	Ghi chú
1	Phước Tân	1	30	
2	Phước Hậu	1	30	
3	Thanh Hựu	1	35	
5	Phước Hựu	1	30	
5	Phước Thành	1	25	
6	Phước Thạnh	1	30	
	TỔNG CỘNG	6	180	

PHỤ LỤC 5

CHỈ TIÊU GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm 2025
1	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi	%	100	100	100	100
2	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	100	100	100	100
3	Tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi	%	98.8	98.03	100.6	>98
5	Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học đúng độ tuổi	%	99,6	98.08	100.57	>98
5	Phổ cập giáo dục tiểu học	Xã	-	-	100	-
6	Phổ cập giáo dục THCS	Xã	-	-	100	-
7	Học sinh bỏ học ở tiểu học	%	<0,2	0	0	<0,2
8	Học sinh bỏ học ở trung học cơ sở	%	<0,5	0.16	+0.01	<0,5
9	Trường chuẩn quốc gia	Trường	2	2	Bằng	2

PHỤ LỤC 6

CHỈ TIÊU Y TẾ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)

1. Chỉ tiêu y tế

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2025	Ghi chú
1	Giường bệnh/vạn dân	Giường	34	
2	Bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	8.02	
3	Trẻ suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi)	%	5.42	
4	Tỷ lệ bác sỹ về khám bệnh ở tuyến xã	%	100	

2. Chỉ tiêu dân số và phát triển năm 2025

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Ghi chú
I	Chỉ tiêu cơ bản			
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0.5	
2	Tỷ suất sinh thô	‰	9.5	
I	Chỉ tiêu chuyên môn			
1	Tỷ lệ trẻ mới sinh là con thứ hai	%	54	
2	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	%	67	
3	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	90	
4	Tỷ lệ khám sức khỏe trước kết hôn (So với tổng số kết hôn)	%	60	
5	Tỷ lệ Người cao tuổi khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm	%	67	
6	Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại	%	>70	

PHỤ LỤC 7

CHỈ TIÊU GIA ĐÌNH VĂN HÓA NĂM 2025 (95%)

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)

STT	Ấp	Số hộ	GĐVH	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phước Tân	430	407	94.65	
2	Phước Hậu	480	456	95.00	
3	Thanh Hựu	860	817	95.00	
5	Phước Hựu	407	387	95.09	
5	Phước Thành	393	374	95.17	
6	Phước Thạnh	570	542	95.09	
	Tổng cộng	3140	2983	95	

GIA ĐÌNH THỂ THAO (47.8%)

STT	Ấp	Số hộ	GĐTT	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phước Tân	430	206	47.91	
2	Phước Hậu	480	229	47.71	
3	Thanh Hựu	860	411	47.79	
5	Phước Hựu	407	194	47.67	
5	Phước Thành	393	188	47.84	
6	Phước Thạnh	570	273	47.89	
	Tổng cộng	3140	1501	47.8	

PHỤ LỤC 8
**Chỉ tiêu thực hiện bao phủ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp
và Bảo hiểm y tế năm 2025**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân xã Tam Phước)*

ĐVT: người

STT	Ấp	Số hộ	BHXH	BHTN	BHYT
1	Phước Tân	430	13	11	75
2	Phước Hậu	480	14	13	86
3	Thanh Hựu	860	22	22	142
5	Phước Hựu	407	10	8	56
5	Phước Thành	393	12	10	65
6	Phước Thạnh	570	15	15	97
	Tổng cộng	3140	87	79	521